

Số: /QĐ-UBND

TP. Lào Cai, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000
phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai.**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số: 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số: 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số: 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành;

Căn cứ Nghị quyết số: 896/NQ-UBTVQH14 ngày 11/02/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc tỉnh Lào Cai;

Căn cứ Quyết định số: 1020/QĐ-UBND ngày 13/4/2018 của UBND tỉnh phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Lào Cai và vùng phụ cận đến năm 2040, tầm nhìn năm 2050;

Căn cứ Quyết định số: 2100/QĐ-UBND ngày 15/7/2019 của UBND tỉnh phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai;

Căn cứ Quyết định số: 2167/QĐ-UBND ngày 25/6/2021 của UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh Nhiệm vụ Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai (điều chỉnh tiến độ lập quy hoạch);

Căn cứ Văn bản số: 3705/SGTVTXD-QHKT ngày 01/10/2021 của Sở Giao thông Vận tải - Xây dựng tỉnh Lào Cai về việc thẩm định, phê duyệt Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai;

Xét đề nghị của phòng Quản lý đô thị thành phố Lào Cai tại Báo cáo thẩm định số: 130/BC-QLĐT ngày 06/10/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai, với các nội dung như sau:

1. Vị trí, ranh giới và quy mô lập quy hoạch:

a) *Vị trí quy hoạch:* Thuộc toàn bộ địa giới hành chính phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai (theo Nghị Quyết số 896/NQ-UBTVQH14 ngày 11/02/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc tỉnh Lào Cai).

b) *Ranh giới quy hoạch:*

- Phía Đông giáp phường Cốc Lếu và sông Hồng;
- Phía Tây giáp xã Đồng Tuyển;
- Phía Nam giáp xã Đồng Tuyển và phường Cốc Lếu;
- Phía Bắc giáp sông Hồng và suối Quang Kim.

c) *Quy mô lập quy hoạch:* Tổng diện tích lập quy hoạch phân khu là 612,38 ha (theo địa giới hành chính phường Duyên Hải đã được điều chỉnh).

2. Tính chất khu vực lập quy hoạch:

- Là trung tâm hành chính, kinh tế, văn hóa xã hội, giáo dục của phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai.
- Là khu vực cửa khẩu đường bộ quốc tế, gắn liền với hoạt động xuất nhập khẩu, giao thương biên mậu giữa hai nước Việt Nam - Trung Quốc.
- Là khu đô thị mới đối ngoại, đối đẳng, cùng với hệ thống cảnh quan dọc sông Hồng đồng bộ, kang trang và hiện đại.

3. Phân khu chức năng và tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan:

Phân khu Duyên Hải được chia thành 4 phân khu chức năng chính gắn liền với chức năng đô thị du lịch, thương mại, dịch vụ, vui chơi giải trí, các hoạt động kinh tế cửa khẩu.

a) *Phân khu số 1:* Khu cửa khẩu Kim Thành và vùng phụ cận:

- Quy mô: Quy mô diện tích 194,08 ha; Quy mô dân số quy đổi đến năm 2030 là khoảng 3.000 người (chiếm 6,0% dân số toàn phường).

- Chức năng: Là khu vực cửa khẩu đường bộ quốc tế với hệ thống cửa khẩu, nhà liên ngành cửa khẩu; hệ thống bãi kiểm hóa xuất nhập khẩu; hệ thống các kho bãi chứa hàng hóa; hệ thống sân bãi đỗ xe và đời cảnh quan đô thị.

b) *Phân khu số 2:* Khu đô thị Kim Thành và phía Nam Kim Thành:

- Quy mô: Quy mô diện tích 152,50 ha; Quy mô dân số dự báo đến năm

2030 là khoảng 18.000 người (Chiếm 36,0% dân số toàn phường).

- Chức năng: Là đô thị đối ngoại phía Bắc và trung tâm hành chính mới của phường Duyên Hải. Đô thị du lịch, thương mại, dịch vụ cao cấp, gắn với hoạt động kinh tế cửa khẩu, mật độ xây dựng cao với các công trình hợp khối đa chức năng (ở, dịch vụ thương mại, vui chơi giải trí, văn phòng đại diện,...), cùng với hệ thống các khu dân cư đô thị mới có hệ thống cơ sở hạ tầng xã hội, công trình công cộng, văn hóa, thể dục thể thao đồng bộ.

c) *Phân khu số 3*: Khu đô thị phía Nam Duyên Hải:

- Quy mô: Quy mô diện tích 120,00ha; Quy mô dân số dự báo đến năm 2030 là khoảng 18.000 người (Chiếm 36,0% dân số toàn phường).

- Chức năng: Là đô thị mới phía Nam của phường Duyên Hải được xây dựng sau khi di chuyển khu công nghiệp Bắc Duyên Hải và khu TTCN Bắc Duyên Hải. Đô thị mới cao cấp, hiện đại có hệ thống cơ sở hạ tầng xã hội, công trình công cộng, dịch vụ, văn hóa, thể dục thể thao đồng bộ.

d) *Phân khu số 4*: Khu đô thị phía Tây Duyên Hải:

- Quy mô: Quy mô diện tích 145,80ha. Quy mô dân số dự báo đến năm 2030 là khoảng 11.000 người (Chiếm 22,0% dân số toàn phường).

- Chức năng: Là khu đô thị cải tạo, chỉnh trang các khu dân cư ở hiện hữu và sắp xếp dân cư ở mới xen kẽ có hệ thống cơ sở hạ tầng xã hội, công trình công cộng, dịch vụ, văn hóa, thể dục thể thao đồng bộ.

4. Quy hoạch sử dụng đất:

a) *Đất dân dụng gồm*: Đất nhóm nhà ở; đất công cộng đô thị; đất hỗn hợp; đất giáo dục; đất cây xanh, thể dục thể thao; đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật:

- Đất nhóm nhà ở: Gồm đất nhóm nhà ở hiện trạng chỉnh trang; đất nhóm nhà ở mới; đất ở chung cư.

+ Đất nhóm nhà ở hiện trạng chỉnh trang: Tổng diện tích 370.883m². Chiếm 6,06% diện tích đất toàn phường.

+ Đất nhóm nhà ở mới: Tổng diện tích 722.576m²; chiếm 10,80% tổng diện tích toàn phường.

+ Đất ở chung cư, nhà ở xã hội: Có tổng diện tích 192.584m²; chiếm 3,14% tổng diện tích toàn phường.

- Đất công cộng đô thị, gồm: Đất trung tâm văn hóa thể thao; đất văn hóa; đất dịch vụ thương mại:

+ Đất trung tâm văn hóa thể thao: Tổng diện tích 11.228m²; chiếm 0,18% tổng diện tích toàn phường. Là quỹ đất xây dựng các công trình văn hóa thể thao phục vụ nhu cầu sinh hoạt của dân cư đô thị.

+ Đất văn hóa: Tổng diện tích 17.046m²; chiếm 0,28% tổng diện tích toàn phường. Là quỹ đất xây dựng các công trình nhà văn hóa trung tâm phường, nhà văn hóa khu dân cư, ...

+ Đất dịch vụ thương mại: Tổng diện tích 270.420m²; chiếm 4,42% tổng diện tích toàn phường. Là quỹ đất xây dựng các công trình dịch vụ thương mại, vui chơi giải trí, khách sạn, nghỉ dưỡng, văn phòng đại diện và các chức năng dịch

vụ đô thị khác....

- Đất hỗn hợp: Tổng diện tích 668.048m²; chiếm 10,91% tổng diện tích toàn phường. Là quỹ đất xây dựng các công trình tổ hợp đa chức năng (dịch vụ thương mại, vui chơi giải trí, khách sạn, nghỉ dưỡng, văn phòng đại diện, các chức năng khác,...) và nhà ở.

- Đất giáo dục: Tổng diện tích 74.653m²; chiếm 1,22% tổng diện tích toàn phường. Là các quỹ đất xây dựng cụm liên trường THPT, THCS, TH và các quỹ đất xây dựng hệ thống các trường mầm non trên địa bàn phường Duyên Hải.

- Đất cây xanh, thể dục thể thao, gồm: Đất cây xanh công viên; đất thể dục thể thao; đất cây xanh đô thị:

+ Đất cây xanh công viên: Tổng diện tích 123.323m²; chiếm 2,01% tổng diện tích toàn phường.

+ Đất thể dục thể thao: Tổng diện tích 28.648m²; chiếm 0,47% tổng diện tích toàn phường.

+ Đất cây xanh đô thị: Tổng diện tích 1.178.571m²; chiếm 19,25% tổng diện tích toàn phường.

- Đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật khác: Tổng diện tích 1.327.702m²; chiếm 21,68% tổng diện tích toàn phường.

b) *Đất ngoài dân dụng, gồm:* Đất cơ quan; đất y tế; đất quốc phòng an ninh; đất kho bãi; đất công trình hạ tầng kỹ thuật đầu mối; đất nghĩa trang:

- Đất cơ quan: Tổng diện tích 74.296m²; chiếm 1,21% diện tích đất toàn phường. Là các quỹ đất xây dựng trụ sở cơ quan hành chính phường Duyên Hải; Quỹ đất xây dựng trụ sở làm việc nhà liên ngành cửa khẩu Kim Thành; Quỹ đất xây dựng một số cơ quan chức năng quản lý khác.

- Đất Y tế: Tổng diện tích 45.721m²; chiếm 0,75% tổng diện tích toàn phường. Là quỹ đất xây dựng trung tâm y tế, phòng khám đa khoa.

- Đất quốc phòng an ninh: Tổng diện tích 64.276m²; chiếm 1,05% diện tích toàn phường.

- Đất kho bãi: Tổng diện tích 261.568m²; chiếm 4,27% diện tích toàn phường. Là hệ thống các kho bãi chứa hàng hóa, kho bãi chuyên dụng khu vực cửa khẩu Kim Thành.

- Đất công trình hạ tầng kỹ thuật đầu mối: Tổng diện tích 248.980m²; chiếm 4,07% diện tích toàn phường. Gồm đất bãi đỗ xe (Đối với bãi đỗ xe K1-DX2 bổ sung chức năng kết hợp khu kiểm hóa nhập khẩu; đối với bãi đỗ xe K1-DX3 bổ sung chức năng kết hợp khu kiểm hóa xuất khẩu phục vụ hoạt động xuất nhập khẩu qua cửa khẩu đường bộ số 2 Kim Thành); nhà máy xử lý nước thải và đất hạ tầng kỹ thuật đầu mối khác...

- Đất nghĩa trang, gồm: đất nghĩa trang nhân dân và đất nghĩa trang liệt sỹ. Tổng diện tích 41.254m²; chiếm 0,67% diện tích toàn phường.

c) *Đất khác (mặt nước):* Tổng diện tích 402.023m²; chiếm 6,56% diện tích toàn phường. Là hệ thống mặt nước cảnh quan, hệ thống kênh dẫn nước và mặt nước sông Hồng.

5. Bảng thống kê sử dụng đất:

Số TT	Loại đất	Diện tích (m ²)	MĐXD trung bình (%)	Tầng cao tối đa (tầng)	Tỷ lệ (%)
I	Đất dân dụng	4.985.682			81,41
1	Đất nhóm nhà ở	1.286.043			21,00
1.1	Đất nhóm nhà ở hiện trạng chính trang	370.883	80	5	6,06
1.2	Đất ở mới	722.576	80	5	11,80
1.3	Đất ở chung cư, nhà ở xã hội	192.584	35-40	14-31	3,14
2	Đất công cộng đô thị	298.694			4,88
2.1	Đất trung tâm văn hóa thể thao	11.228	40	3	0,18
2.2	Đất văn hóa	17.046	40	3	0,28
2.2	Đất dịch vụ thương mại	270.420	45-80	3-9	4,42
3	Đất hỗn hợp	668.048	30-75	5-31	10,91
4	Đất giáo dục	74.653	40-65	3-5	1,22
5	Đất cây xanh, thể dục thể thao	1.300.542			21,73
5.1	Cây xanh công viên	123.323	5		2,01
5.2	Đất thể dục thể thao	28.648			0,47
5.3	Cây xanh đô thị	1.178.571	5		19,25
6	Đất giao thông + HTKT khác	1.327.702			21,68
II	Đất ngoài dân dụng	736.095			12,02
1	Đất cơ quan	74.296	40	5-7	1,21
2	Đất y tế	45.721	40	15	0,75
3	Đất quốc phòng an ninh	64.276	40	5	1,05
4	Đất kho bãi	261.568	65	3-5	4,27
5	Đất hạ tầng kỹ thuật đầu mối	248.980	35	3	4,07
6	Đất nghĩa trang	41.254			0,67
6.1	Đất nghĩa trang nhân dân	36.019			0,59
6.2	Đất nghĩa trang liệt sỹ	5.235			0,09
III	Đất khác	402.023			6,56
IV	Tổng diện tích	6.123.800			100,00

6. Định hướng quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

a) Định hướng phát triển giao thông:

a1. Giao thông đối ngoại:

- Cầu đường bộ số II Kim Thành qua sông Hồng kết nối cửa khẩu Kim Thành - Việt Nam với cửa khẩu Trương Thành - Trung Quốc; cầu có quy mô Bmặt = 21,5m.

- Đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai kết nối từ Hà Nội đến cửa khẩu quốc tế đường bộ số II Kim Thành; quy mô Bmặt = 2x7,5m; Bề gia cố = (3,0m + 0,75m)

x 2; Bp.cách = 1,5m, Bnền = 24,0m.

- Đường tỉnh lộ 156B kết nối thành phố Lào Cai với huyện Bát Xát; quy mô Bmặt = 10,5m; Bvia hè = 2x5,0m; Bnền = 20,5m.

a2. Giao thông khu vực:

- Đường trục đô thị là tuyến đường qua trung tâm phường, kết nối phường Lào Cai với cửa khẩu Kim Thành và điểm cuối tuyến đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai; quy mô tuyến đường Bmặt = 21,0m; Bvia hè = 2x(5,0m ÷ 7,0m); Bnền = 31,0m ÷ 35,0m.

- Đường liên khu vực (LKV) là tuyến đường kết nối dọc bờ hữu sông Hồng; quy mô tuyến đường Bmặt = 10,5 ÷ 21,0m; Bvia hè = 2x(5,0m ÷ 7,0m); Bnền = 20,5m ÷ 35m.

- Đường khu vực KV1 là tuyến đường kết nối khu vực xã Đồng Tuyển với phường Duyên Hải và đường tỉnh lộ 156B đi huyện Bát Xát; quy mô tuyến đường Bmặt = 16,0m; Bvia hè = 2x5,0m; Bnền = 26,0m.

- Đường khu vực KV2 là tuyến đường kết nối dọc, kết nối các khu đô thị phía Nam Duyên Hải, khu đô thị Kim Thành, phía Nam Kim Thành và khu vực cửa khẩu Kim Thành; quy mô tuyến đường Bmặt = 12,0m; Bvia hè = 2x(2,0m ÷ 7,0m); Bnền = 19,0m ÷ 26,0m.

- Đường khu vực KV3 là tuyến đường kết nối ngang khu đô thị Kim Thành với khu đô thị phía tây Duyên Hải; quy mô tuyến đường Bmặt = 12,0m; Bvia hè = 2x5,0m; Bnền = 22,0m.

- Đường khu vực KV4 là tuyến đường kết nối ngang, kết nối khu vực xã Đồng Tuyển với đường trục đô thị, đường bờ sông (đường LKV) và khu đô thị phía Nam Kim Thành; quy mô đoạn từ Đồng Tuyển đến đường trục đô thị có quy mô Bmặt = 10,5m; Bvia hè = 2x5,0m; Bnền = 20,5m, đoạn còn lại có quy mô Bmặt = 7,5mx2; Bvia hè = 2x5,0m; Bp.c = 6,0m Bnền = 31,0m.

- Đường khu vực KV5 là tuyến đường kết nối ngang, kết nối khu vực xã Đồng Tuyển với khu đô thị phía Tây Duyên Hải; quy mô tuyến đường Bmặt = 10,5m; Bvia hè = 2x3,0m; Bnền = 16,5m.

a3. Giao thông nội thị: Là các tuyến đường phục vụ giao thông nội thị: Đường phân khu vực, đường trong đơn vị ở, nhóm nhà ở, đường nhánh kết nối với các tuyến đường trục đô thị, đường liên khu vực và đường khu vực:

- Các tuyến đường phân khu và đường nội thị chính có quy mô tuyến đường Bmặt = 10,5m ÷ 28,0m; Bvia hè = 2x(3,0m ÷ 10,0m); Bnền = 16,5m ÷ 40,0m.

- Các tuyến đường trong nhóm nhà ở, trong đơn vị ở có quy mô Bmặt = 6,0m ÷ 12,0m; Bvia hè(lề) = 2x(1,5m ÷ 5,0m); Bnền = 12,0m ÷ 22,0m.

a4. Chỉ giới xây dựng:

- Đối với các công trình ở hiện trạng chính trang lùi vào $\geq 0,9m$ so với chỉ giới đường đỏ.

- Đối với các công trình ở mới lùi vào $\geq 1,5m$ so với chỉ giới đường đỏ.

- Đối với các công trình ở chung cư, dịch vụ thương mại, hỗn hợp, y tế từ 9 tầng trở lên lùi vào $\geq 6,0m$ so với chỉ giới đường đỏ.

- Đối với các công trình văn hóa, trung tâm văn hóa thể dục thể thao, dịch vụ thương mại, hỗn hợp, công trình giáo dục, cơ quan, an ninh quốc phòng dưới 9 tầng lùi vào $\geq 3,0\text{m}$ so với chỉ giới đường đỏ.

- Đối với các công trình kho bãi, công trình hạ tầng kỹ thuật đầu mỗi lùi vào $\geq 5,0\text{m}$ so với chỉ giới đường đỏ.

Lưu ý: Chỉ giới xây dựng đối với các cạnh còn lại sẽ được quy định cụ thể trong bước lập quy hoạch chi tiết, tổng mặt bằng dự án và bước thiết kế cơ sở.

b) Chuẩn bị kỹ thuật:

b1. San nền:

- Đối với đất hiện hữu không tính toán san nền mặt bằng, khi cải tạo, chỉnh trang xây dựng lại cần phải tính toán cốt san nền cho phù hợp với cốt vỉa hè, đường giao thông lân cận.

- Đối với đất ở mật độ cao mới san nền mặt bằng cao hơn mép trong vỉa hè $0,1 \div 0,2\text{m}$, độ dốc theo hướng vuông góc với đường dốc ra phía đường $0,5\%$ và theo hướng dọc đường bằng độ dốc dọc của đường.

- Mặt bằng đất công cộng dịch vụ, giáo dục, y tế, văn hoá, hỗn hợp thiết kế cao độ phù hợp với cao độ của đường và các mặt bằng xung quanh. Độ dốc mặt bằng không nhỏ hơn $0,3\%$ và đảm bảo thoát nước mặt bằng.

- Đối với đất kho, bãi, đỗ xe, cây xanh công viên san nền cao bằng mép vỉa hè đường giao thông. Độ dốc dọc theo độ dốc đường xung quanh.

b2. Thoát nước mặt:

- Lựa chọn quy hoạch hệ thống nước mưa riêng, hoạt động theo chế độ tự chảy.

- Lưu vực thoát nước: Lưu vực thoát nước chính của khu quy hoạch được xác định, gồm:

+ Lưu vực 1: Toàn bộ khu vực từ đường trục đô thị ra phía bờ sông Hồng. Toàn bộ lưu lượng nước mặt được thu gom và xả ra lưu vực sông Hồng qua các cửa xả.

+ Lưu vực 2: Khu vực giữa đường trục đô thị và đường cao tốc phạm vi từ đôi phía sau nghĩa trang nhân dân về phía đông nam khu quy hoạch thoát về dòng chảy đi giữa khu quy hoạch.

+ Lưu vực 3: Toàn bộ khu vực còn lại thoát về suối Quang Kim.

- Giải pháp thiết kế:

+ Sử dụng hệ thống cống hộp $60\text{cm} \times 80\text{cm}$, cống tròn kín $D75\text{cm}$; $D100\text{cm}$; $D150\text{cm}$; $D200\text{cm}$ dưới vỉa hè, lòng đường, cùng với hệ thống hố ga, cửa thu nước, ... thu gom nước mặt trước khi xả ra các lưu vực thoát nước chung của khu vực qua các cửa xả chính. Phân chia thành các lưu vực nhỏ, hạn chế tình trạng ngập úng cục bộ.

+ Đối với các tuyến đường hiện trạng: Cải tạo, bổ sung, hoàn thiện hệ thống cống thu gom nước mưa dọc hai bên các tuyến đường.

+ Đối với các tuyến đường thiết kế mới: Thiết kế đồng bộ hệ thống thu gom

nước mưa dọc hai bên các tuyến đường.

+ Đối với những khu vực có diện tích lưu vực sườn đồi đổ về đường lớn hoặc khi chiều cao taluy đào $\geq 12\text{m}$ hoặc những khu vực có nguy cơ sạt lở cần bố trí rãnh đỉnh thoát nước ra xa khu vực nền đường đào.

b3. Các công tác chuẩn bị kỹ thuật khác:

- Dọc sông Hồng đã xây dựng tuyến kè kiên cố, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

- Xây dựng hệ thống kè suối dọc theo suối Quang Kim, hệ thống kè dọc suối chảy qua giữa khu quy hoạch để bảo vệ bờ và tạo cảnh quan, giữ gìn vệ sinh môi trường và tạo quỹ đất xây dựng dọc hai bên suối.

c) *Quy hoạch cấp nước:*

c1. Nhu cầu cấp nước: Nhu cầu dùng nước sinh hoạt toàn phường làm tròn là $15.600 \text{ m}^3/\text{ngđ}$;

c2. Nguồn nước: Nước cấp cho khu vực quy hoạch nằm trong hệ thống cấp nước chung của thành phố Lào Cai và vùng phụ cận với nhà máy nước Cốc San lấy nguồn nước mặt suối Ngòi Đum đang hoạt động với công suất $24.000 \text{ m}^3/\text{ngđ}$, định hướng nâng cấp lên $30.000 \text{ m}^3/\text{ngđ}$.

c3. Mạng lưới đường ống cấp nước sinh hoạt:

- Quy hoạch mạng lưới cấp nước kiểu mạng vòng kín với đường ống chính D110mm-D200mm kết hợp với các tuyến ống cấp nước chính đã có trong và ngoài khu vực lập quy hoạch.

- Quy hoạch 01 bể điều áp 1.000 m^3 đặt tại vị trí đồi cây xanh K1-CX1, có cao độ khoảng +218m.

c4. Cấp nước chữa cháy:

- Mạng lưới cấp nước chữa cháy sử dụng áp lực thấp với áp lực tự do $\geq 10\text{m}$.

- Hạng cứu hỏa được bố trí trên mạng lưới cấp nước chính với đường kính ống $\geq D100\text{mm}$ với khoảng cách giữa hai hạng cứu hỏa là $100 \div 150\text{m}$. Vị trí của các hạng cứu hỏa sẽ được xác định cụ thể trong quá trình lập quy hoạch chi tiết và thiết kế mạng lưới cứu hỏa của khu vực.

d) *Quy hoạch cấp điện và thông tin liên lạc:*

d1. Quy hoạch cấp điện:

- Nhu cầu cấp điện tính toán: 174.200,1 kVA.

- Nguồn điện: Theo quy hoạch điện lực Lào Cai giai đoạn 2016 ÷ 2025 có xét đến năm 2035 và tính toán nhu cầu sử dụng điện dự kiến khu vực phường Duyên Hải tiếp tục phát triển lưới điện 22kV. Nguồn cấp cho khu vực quy hoạch lấy từ đường dây 22kV lộ 472E20.2, 475E20.2. Đường dây ngầm 22kV lộ 472E20.2 và 475E20.2 đã sử dụng gần hết công suất, cần nâng công suất đầu lộ.

- Trạm biến áp:

+ Dự kiến tháo dỡ 26 trạm biến áp trong phạm vi giải phóng mặt bằng bố trí công trình xây dựng, đường giao thông và hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

+ Dự kiến cải tạo, nâng công suất 40 trạm biến áp phân phối (22)0,4kV đáp ứng nhu cầu sử dụng điện khu vực.

+ Dự kiến xây dựng mới 103 trạm biến áp phân phối mới 22/0,4KV đảm bảo cung cấp điện cho toàn bộ khu quy hoạch.

- Lưới điện:

+ Lưới điện cao thế: Giữ hiện trạng đường dây 110kV chạy qua khu quy hoạch.

+ Lưới điện trung thế: Cải tạo, nâng công suất đường dây ngầm 22kV lộ 472 E20.2 và 475 E20.2. Xây dựng mới các đường dây ngầm 22kV cấp điện cho các trạm phân phối 22/0,4kV mới. Tháo dỡ các đoạn tuyến đường dây ngầm 22kV, đường dây nổi 35kV để giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất xây dựng.

+ Lưới điện hạ thế: Dự kiến hạ ngầm tất cả các tuyến đường dây hạ thế 0,4kV đảm bảo mỹ quan đô thị. Kết cấu lưới 0,4kV theo mạng hình tia. Bán kính phục vụ đảm bảo < 300m.

+ Lưới điện chiếu sáng: Sử dụng hệ thống cáp ngầm chiếu sáng trên các cột thép. Các tuyến đường có mặt cắt ngang lòng đường từ 10,5m trở lên chiếu sáng hai bên đường hoặc giữa dải phân cách, dùng đèn Natri cao áp 150W-250W. Các đường có mặt cắt lòng đường nhỏ hơn 10,5m bố trí chiếu sáng một bên hè, dùng bộ đèn 250W hoặc 150W.

d2. Thông tin liên lạc:

- Hệ thống thông tin liên lạc được phủ sóng toàn bộ khu vực.

- Bố trí, di chuyển và xây dựng các trạm thu phát sóng đáp ứng nhu cầu phủ sóng toàn bộ khu vực.

- Xây dựng hệ thống ống luồn cáp thông tin liên lạc dọc các trục đường chính, tại vị trí qua đường sử dụng ống chịu lực, chiều sâu đạt tiêu chuẩn của ngành.

e) Định hướng quy hoạch thoát nước thải, quản lý CTR và nghĩa trang:

e1. Định hướng thoát nước thải:

- Quy hoạch hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt riêng cho toàn bộ khu quy hoạch.

- Nhu cầu tính toán thoát nước thải sinh hoạt khoảng 11.700m³/ngđ. Yêu cầu tỷ lệ thu gom đạt 100%.

- Công trình đầu mối:

+ Quy hoạch 01 trạm xử lý nước thải sinh hoạt với quy mô công suất thiết kế là 13.000m³/ngđ đặt tại khu đất K2- HTKT1 với cốt cao độ nền là +90m để thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt cho toàn khu quy hoạch và một phần xã Đồng Tuyển. Trạm xử lý đạt chuẩn chất lượng theo quy định.

+ Quy hoạch mới 04 trạm bơm nước thải, do một số khu vực có độ dốc ngược không tự chảy được về phía trạm xử lý.

- Mạng lưới đường ống thu gom nước thải: Xây dựng hệ thống các tuyến cống chính D300mm ÷ D600mm thu gom nước thải sinh hoạt. Đường ống được thiết kế theo phương thức tự chảy, tận dụng tối đa điều kiện địa hình để đặt cống, đảm bảo độ dốc tối thiểu là 0,4%. Độ sâu chôn cống ban đầu là 0,7m.

e2. Định hướng thu gom chất thải rắn:

- Nhu cầu thu gom chất thải rắn sinh hoạt tính toán: Khoảng 60 tấn/ngày. Tỷ lệ thu gom đạt 100%.

- Chất thải sinh hoạt: Được thu gom về các thùng đựng rác thích hợp tại các khu đất, tầng tòa nhà, khu công viên cây xanh, sau đó công ty môi trường sẽ thu gom rác thải và vận chuyển đến điểm ga rác thải, chuyển lên xe cơ giới đưa đến khu xử lý chất thải rắn của thành phố.

- Chất thải rắn được tổ chức phân loại từ nguồn phát sinh thành hai loại chính:

+ CTR vô cơ: kim loại, thủy tinh, chai nhựa, bao nilon... được thu gom để tái chế nhằm thu hồi phế liệu và giảm tải cho khu xử lý chất thải rắn; Hình thức là thu gom định kỳ.

+ CTR hữu cơ: Thực phẩm, rau củ quả phế thải, lá cây... được thu gom hàng ngày và vận chuyển đến ga rác thải, sau đó được đưa lên xe cơ giới đưa đi xử lý tập trung.

e3. Định hướng quy hoạch nghĩa trang:

Tiến hành đóng cửa nghĩa trang hiện có khi lấp đầy và cải tạo thành công viên nghĩa trang. Các nhu cầu chôn lấp của nhân dân trong phạm vi khu quy hoạch quy tập về nghĩa trang chung của thành phố (nằm ngoài ranh giới).

f) Đánh giá môi trường chiến lược:

Trong đồ án thực hiện đánh giá tác động môi trường chiến lược ĐMC. Trong bước lập dự án tiếp tục đánh giá tác động môi trường ĐTM theo quy định.

7. Phân kỳ đầu tư và xác định danh mục các dự án ưu tiên đầu tư:

- Đầu tư xây dựng hoàn thiện các trục đường đô thị, đường liên khu vực đường khu vực làm động lực phát triển đô thị và kết nối các khu chức năng.

- Đầu tư xây dựng trụ sở phường Duyên Hải mới và các công trình công cộng phục vụ thiết yếu.

- Đầu tư xây dựng khu đô thị mới Kim Thành; khu dân cư sau đường Nguyễn Đức Cảnh, Thủ Dầu Một và Tô Hiến Thành.... theo quy hoạch chi tiết đã phê duyệt.

- Lập quy hoạch chi tiết khu đô thị mới phía Nam Duyên Hải; quy hoạch chi tiết khu đô thị mới phía Nam Kim Thành và các khu vực khác theo quy hoạch phân khu.

8. Thời gian và nguồn vốn thực hiện:

Triển khai, thực hiện các công trình, dự án được xác định ưu tiên đầu tư trong giai đoạn đến năm 2030. Nguồn vốn thực hiện sử dụng từ các nguồn vốn chính: Ngân sách nhà nước (trung ương, địa phương), xã hội hóa và các nguồn vốn khác. Khuyến khích, tạo điều kiện thu hút nguồn vốn doanh nghiệp đầu tư xây dựng trong phân khu phường Duyên Hải.

Điều 2. Trên cơ sở quy hoạch được duyệt, UBND phường Duyên Hải, đơn vị lập quy hoạch và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm:

1. UBND phường Duyên Hải chủ trì, phối hợp với đơn vị lập quy hoạch tổ chức công bố công khai quy hoạch cho tổ chức, cá nhân liên quan trên địa bàn biết và thực hiện quy hoạch.

2. Đơn vị lập quy hoạch tổ chức cắm mốc giới theo quy hoạch ngoài thực địa. Giao UBND phường Duyên Hải và cơ quan có thẩm quyền quản lý mốc giới theo quy định.

3. Thực hiện giải phóng mặt bằng, tổ chức đầu tư các hạng mục theo đúng quy hoạch được duyệt.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND&UBND thành phố; Trưởng các phòng: Quản lý đô thị, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch; Giám đốc Ban QLDA đầu tư xây dựng thành phố; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố; Chủ tịch UBND phường Duyên Hải; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở GTVT-XD;
- TT Thành ủy, HĐND TP;
- Lãnh đạo UBND TP;
- Các phòng, ban thành phố;
- UBND phường Duyên Hải;
- Lưu: VT, QLĐT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hoàng Đăng Khoa